

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC-TKV  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
THAN - ĐIỆN NÔNG SƠN - TKV

Số: 142/QĐ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 07 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự toán chi phí và Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp  
dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THAN - ĐIỆN NÔNG SƠN - TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn-TKV (V-NSCP), đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 28/05/2021;

Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 do Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập;

Xét Tờ trình số 1678/TTr-V.NSCP ngày 15/07/2025 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt Dự toán chi phí và Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 141/NQ-HĐQT ngày 18/07/2025 của HĐQT Công ty;

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Dự toán chi phí và Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025, với các nội dung như sau:

- Giá trị dự toán: **63.223.236 đồng** (Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng) – Đã bao gồm thuế VAT 8%
- Nguồn chi phí: Từ nguồn chi phí SXKD của công ty

### **Điều 2.**

- Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025, chi tiết như phụ lục đính kèm.

- Giao cho Giám đốc công ty triển khai các thủ tục lựa chọn nhà thầu theo quy định.

**Điều 3.** Giám đốc Công ty, các Phó Giám đốc công ty, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng của Công ty căn cứ Quyết định thi hành./.

### Nơi nhận

- Như điều 3;
- HĐQT; Ban KS;
- Lưu VT, KĐV, NQH (14).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Nghiêm Xuân Chiến



PHỤ LỤC: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 142/QĐ-HĐQT ngày 18/07/2025)

Đơn vị: Đồng

| STT | Tên gói thầu                                                           | Giá gói thầu đã bao gồm thuế GTGT | Nguồn vốn             | Hình thức lựa chọn nhà cung cấp                                                                                                                                                            | Phương thức lựa chọn nhà cung cấp                                                                   | Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà cung cấp | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện hợp đồng             |
|-----|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------|------------------------------------------|
| 1   | 2                                                                      | 3                                 | 4                     | 5                                                                                                                                                                                          | 6                                                                                                   | 7                                       | 8             | 9                                        |
| 1   | Gói cung cấp:<br>Cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 | 63.223.236                        | Từ nguồn chi phí SXKD | Ký hợp đồng trực tiếp theo văn bản số 1964/ĐL.TKV-KH ngày 11/07/2025 của Tổng công ty Điện lực-TKV và Khoản 7, Điều 8, Quyết định số số 544/QĐ-V.NSCP ngày 20/02/2024 của Giám đốc Công ty | Theo khoản 3, mục V, Phụ lục 2, Quyết định số số 544/QĐ-V.NSCP ngày 20/02/2024 của Giám đốc Công ty | Quý III/2025                            | Trọn gói      | Theo niên độ BCTC 6 tháng và cả năm 2025 |
|     | <b>TỔNG CỘNG:</b>                                                      | <b>63.223.236</b>                 |                       |                                                                                                                                                                                            |                                                                                                     |                                         |               |                                          |

**BẢNG 1: TỔNG HỢP DỰ TOÁN**  
**CHI PHÍ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số: 142/QĐ-HĐQT ngày 18/07/2025)*

| TT | Khoản mục chi phí             | Ký hiệu | Diễn giải         | Giá trị (VNĐ)     | Ghi chú                                       |
|----|-------------------------------|---------|-------------------|-------------------|-----------------------------------------------|
| 1  | Chi phí chuyên gia            | Ccg     | Bảng 2            | 32.850.000        | Văn bản 1276/TKV-TCNS ngày 11/03/2024 của TKV |
| 2  | Chi phí quản lý               | Cql     | 55%*Ccg           | 18.067.500        | Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021       |
| 3  | Chi phí khác                  | Ck      | Bảng 4            | 4.567.483         | Chi phí đi lại, thuê nhà nghỉ, hội thảo...    |
| 4  | Thu nhập chịu thuế tính trước | TN      | 6%*(Ccg+Cql)      | 3.055.050         | Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021       |
| 5  | Tổng cộng trước thuế          | Ctvt    | Ccg+Cql+Ck+TN     | 58.540.033        |                                               |
| 6  | Thuế GTGT                     |         | 8%*5              | 4.683.203         |                                               |
|    | <b>Tổng Cộng</b>              | Ctv     | Ccg+Cql+Ck+TN+VAT | <b>63.223.236</b> |                                               |



**BẢNG 2 CHI PHÍ CHUYÊN GIA**

(Kèm theo Quyết định số: 44/QĐ-HĐQT ngày 18/07/2025)

| TT | Chức vụ               | Nội dung công việc                      | Đơn vị    | Loại hình chuyên gia | Ngày công làm việc (công) | Số lượng chuyên gia | Tổng ngày công | Đơn giá chuyên gia | Thành tiền        |
|----|-----------------------|-----------------------------------------|-----------|----------------------|---------------------------|---------------------|----------------|--------------------|-------------------|
| 1  | Trưởng nhóm kiểm toán | Phụ trách chung                         | Ngày công | M2                   | 15                        | 1                   | 15             | 1.035.000          | 15.525.000        |
| 2  | Thành viên kiểm toán  | Kiểm toán các lĩnh vực SXKD của công ty | Ngày công | M3                   | 15                        | 2                   | 25             | 693.000            | 17.325.000        |
|    |                       | <b>TỔNG CỘNG</b>                        |           |                      |                           |                     |                |                    | <b>32.850.000</b> |

**Ghi chú:**

- Nhân sự tham gia có chuyên môn ngành nghề như trên hoặc tương đương
- Đơn giá chuyên gia được xác định theo từng vị trí và kinh nghiệm tư vấn (tham khảo Bảng 4. Diễn giải chi tiết chuyên gia tư vấn)

**BẢNG 3: CHI PHÍ KHÁC**  
(Kèm theo Quyết định số: 14-L/QĐ-HĐQT ngày 18/07/2025)

| TT | Khoản mục chi phí                        | Đơn vị | Diễn giải                    | Thành tiền<br>(đồng) | Ghi chú |
|----|------------------------------------------|--------|------------------------------|----------------------|---------|
| 1  | Chi phí đi lại cho 3 người               | t.bộ   | 3 người x<br>1.300.000/người | 3.900.000            |         |
| 2  | Chi phí thuê nhà ở                       | tháng  | tạm tính                     | 0                    |         |
| 3  | Chi phí thuê phương tiện đi lại làm việc | tháng  | tạm tính                     | 600.000              |         |
| 4  | Chi phí hội thảo                         | lần    | tạm tính                     | 0                    |         |
| 5  | Chi phí nước uống                        | lần    | tạm tính                     | 67.483               |         |
|    | <b>Tổng cộng (I+II)</b>                  |        |                              | <b>4.567.483</b>     |         |



**BẢNG 4: ĐƠN GIÁ NGÀY CÔNG CHUYỂN GIA TỰ VẤN XÂY DỰNG**  
(Kèm theo Quyết định số: 142/QĐ-HĐQT ngày 18/07/2025)

| TT | Nhóm chuyên gia/Chuyên gia tư vấn xây dựng                                                                                                                             |  | Loại hình chuyên gia | Đơn giá/ngày công (đồng) | Ghi chú |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------|--------------------------|---------|
| 1  | <b>Nhóm I</b>                                                                                                                                                          |  | M1                   | 1.350.000                |         |
| -  | Chuyên gia tư vấn có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 15 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn.                            |  |                      |                          |         |
| -  | Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sỹ trở lên, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 8 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn.    |  |                      |                          |         |
| -  | Trưởng nhóm tư vấn hoặc chủ trì tổ chức, điều hành gói thầu tư vấn.                                                                                                    |  |                      |                          |         |
| 2  | <b>Nhóm II</b>                                                                                                                                                         |  | M2                   | 1.035.000                |         |
| -  | Chuyên gia tư vấn có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 10 đến dưới 15 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.                        |  |                      |                          |         |
| -  | Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sỹ trở lên, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 5 đến dưới 8 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn. |  |                      |                          |         |
| -  | Chủ trì một hoặc một số hạng mục thuộc gói thầu tư vấn.                                                                                                                |  |                      |                          |         |
| 3  | <b>Nhóm III</b>                                                                                                                                                        |  | M3                   | 693.000                  |         |
| -  | Chuyên gia tư vấn có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.                         |  |                      |                          |         |
| -  | Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sỹ trở lên, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 3 đến dưới 5 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn. |  |                      |                          |         |
| 4  | <b>Nhóm IV</b>                                                                                                                                                         |  | M4                   | 522.000                  |         |
| -  | Chuyên gia tư vấn có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có dưới 5 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.                                   |  |                      |                          |         |
| -  | Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sỹ trở lên, có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có dưới 3 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.          |  |                      |                          |         |

**Ghi chú:** Đơn giá nhân công theo văn bản 1276/TKV-TCNS ngày 11/03/2024 của TKV về hướng dẫn áp dụng đơn giá nhân công tư vấn

